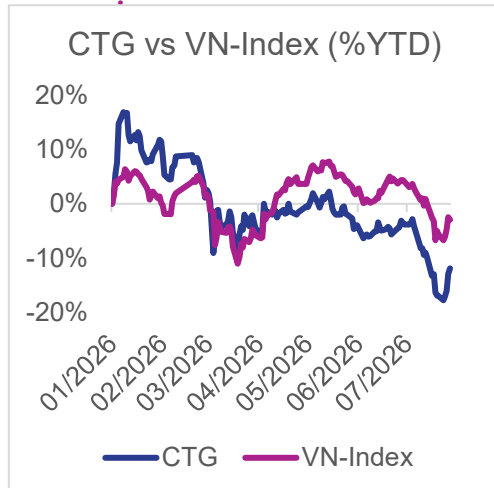




BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Ngành: Ngân hàng

BIẾN ĐỘNG GIÁ



Thông tin giao dịch (03/08/2026)

Giá hiện tại (VNĐ/cp)	31.800
Giá cao nhất 52W	40.900
Giá thấp nhất 52W	28.800
Số lượng CP niêm yết	7.766.944.637
Số lượng CP lưu hành	7.766.944.637
Sở hữu nước ngoài	24,66%
KLBBQ 52W (cp)	10.778.023
EPS (vnd/cp)	5.196
P/E	6,11
P/B	1,23x
Vốn hóa (tỷ đồng)	246.988

(*) EPS theo BCKQKD 4 quý gần nhất

Senior Equity Research Analyst

Bùi Đức Thảo

thaobd@vixs.vn

Chúng tôi đánh giá **TÍCH CỰC** với CTG dựa trên xu hướng tăng trưởng KQKD tích cực của ngân hàng. CTG là một trong ba ngân hàng quốc doanh được niêm yết và đứng top 3 về quy mô tài sản (chỉ sau BID và VCB). Bên cạnh đó, CTG đang sở hữu hệ sinh thái tài chính đa dạng bao gồm các lĩnh vực từ Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Trang Sức, Dịch vụ chuyển tiền đến Quản lý Quỹ, trong đó, lợi nhuận từ lĩnh vực tài chính ngân hàng chiếm gần 95,4% lợi nhuận của CTG.

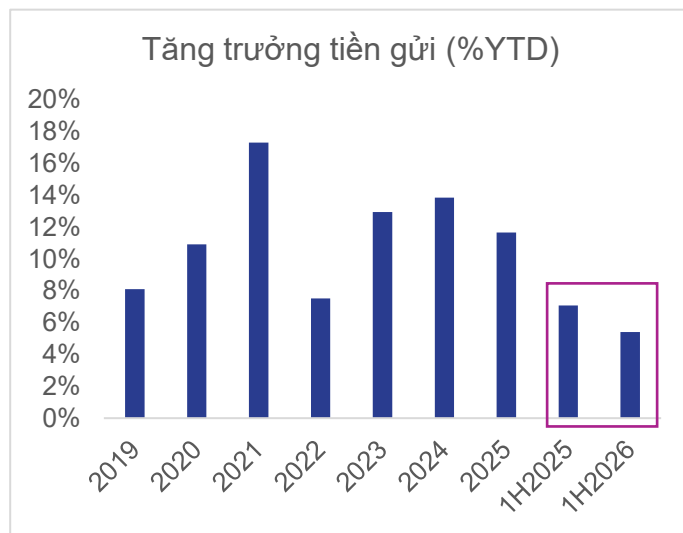
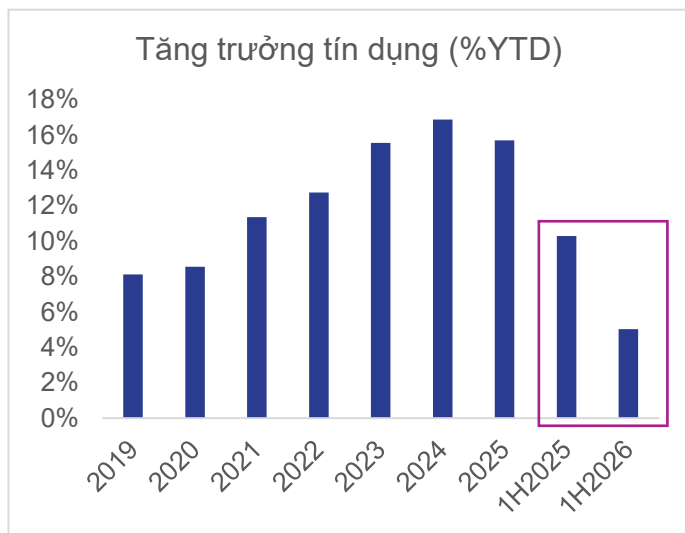
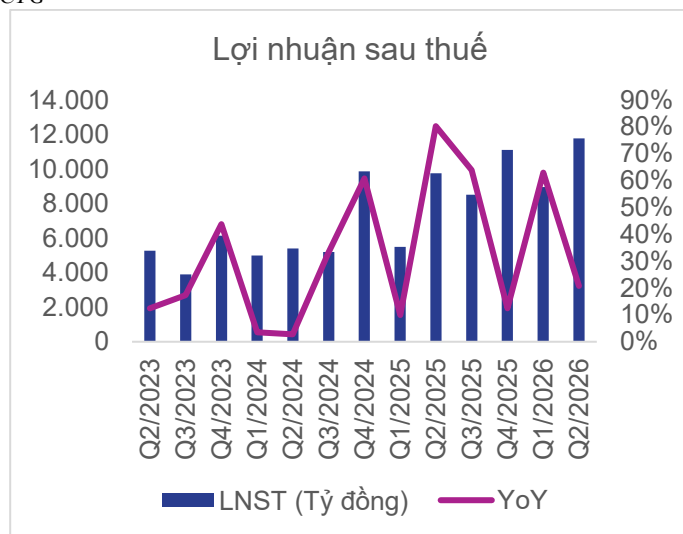
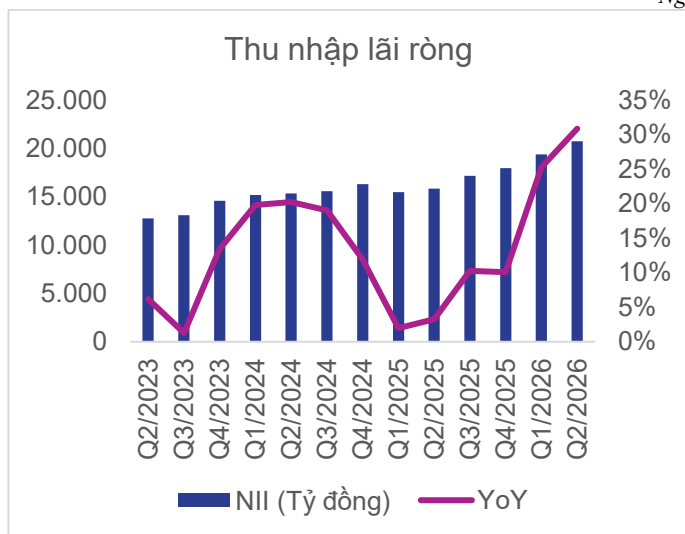
Luận điểm Đầu tư:

- **Cập nhật KQKD Q2/2026:** NII (thu nhập lãi thuần) và lợi nhuận ròng của CTG tăng trưởng lần lượt tới 30,85% và 20,83% YoY trong quý 2/2026. Đáng chú ý, mức NII và LNST trong Quý 2 này đều đang đạt mức kỷ lục cao của chính Viettinbank từ trước đến nay. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng của CTG chỉ đạt 5% so với đầu năm, thấp hơn so với tăng trưởng tín dụng toàn ngành (7,73% YTD). Đặc biệt hơn nữa, CTG là một trong số ít các ngân hàng có **tốc độ tăng trưởng tiền gửi khách hàng lớn hơn tốc độ giải ngân** kể từ đầu năm (5,4% so với 5% YTD), cho thấy Viettinbank chưa gặp áp lực thanh khoản lớn trong hệ thống.
- **NIM cải thiện trong môi trường lãi suất không rẻ:** NIM của CTG đang hình thành đáy khi liên tiếp tăng trong 2 quý đầu năm 2026, lần lượt tăng 3 và 10 điểm cơ bản mỗi quý. Nổi bật trong đó, Hiệu suất tài sản sinh lời (Asset Yield) của Viettinbank đang có tốc độ mở rộng tốt hơn so với Chi phí vốn (Cost of Fund). Điều này cho thấy (1) CTG đang có năng lực đẩy được lãi suất về phía khách hàng vay tiền (2) Lượng lớn tiền gửi kho bạc (tăng 40% YoY) giúp CTG cải thiện thanh khoản của ngân hàng và giảm áp lực chi phí vốn.
- **Nợ xấu tăng nhẹ, tuy nhiên chất lượng tài sản vẫn duy trì mức tích cực trong hệ thống:** Tỷ lệ nợ xấu - NPL (nhóm 3 – 5)/cho vay khách hàng) tiếp tục duy trì tại mức thấp – đạt 1,2% trong Q2/2026, chỉ tăng 10 điểm cơ bản so với đầu năm. Bên cạnh đó, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn đạt gần 134% mặc dù có giảm so với đầu năm 158%.

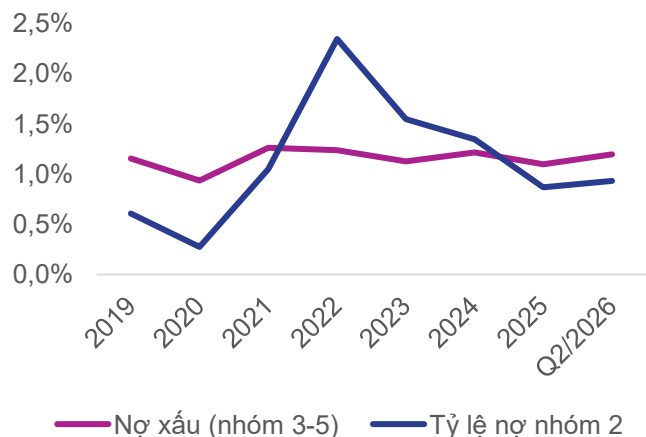
Rủi ro: Tăng trưởng tín dụng chậm hơn so với hệ thống.

	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024	Q1/2025	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Thu nhập lãi thuần - NII (tỷ đồng)	15.174	15.339	15.578	16.312	15.475	15.843	17.176	17.960	19.385	20.730
%YoY	19,8%	20,2%	19,0%	11,9%	2,0%	3,3%	10,3%	10,1%	25,3%	30,9%
Tổng thu nhập - TOI (tỷ đồng)	19.067	19.640	21.916	21.285	20.453	20.917	22.500	23.425	25.102	26.385
%NII/TOI	79,6%	78,1%	71,1%	76,6%	75,7%	75,7%	76,3%	76,7%	77,2%	78,6%
%CIR	25,2%	25,8%	27,8%	30,9%	27,0%	28,0%	26,8%	39,1%	24,9%	24,1%
LNST	5.003	5.409	5.193	9.878	5.499	9.752	8.512	11.107	8.960	11.783
%YoY	3,5%	2,8%	33,3%	60,8%	9,9%	80,3%	63,9%	12,4%	62,9%	20,8%
%NIM	2,9%	3,0%	3,0%	2,9%	2,8%	2,7%	2,6%	2,6%	2,7%	2,8%
%Hiệu suất sinh lời - Asset Yield	6,9%	6,5%	6,2%	5,8%	5,7%	5,6%	5,6%	5,7%	5,7%	6,0%
%Chi phí vốn - CoF	4,2%	3,7%	3,4%	3,1%	3,0%	3,1%	3,1%	3,2%	3,3%	3,5%
% Tăng trưởng tín dụng (YTD)	2,8%	6,7%	9,0%	16,9%	4,6%	10,3%	15,6%	15,7%	1,8%	5,0%
% Tăng trưởng tiền gửi (YTD)	1,2%	4,0%	7,5%	13,9%	0,9%	7,1%	10,5%	11,7%	1,7%	5,4%
% CASA	22,2%	22,8%	23,1%	24,8%	24,4%	24,9%	25,1%	25,5%	24,9%	23,5%
%NPL	1,3%	1,6%	1,4%	1,2%	1,6%	1,3%	1,1%	1,1%	1,0%	1,2%

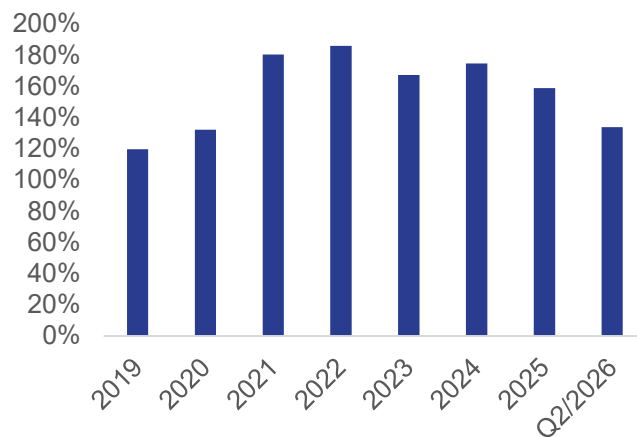
Nguồn: CTG



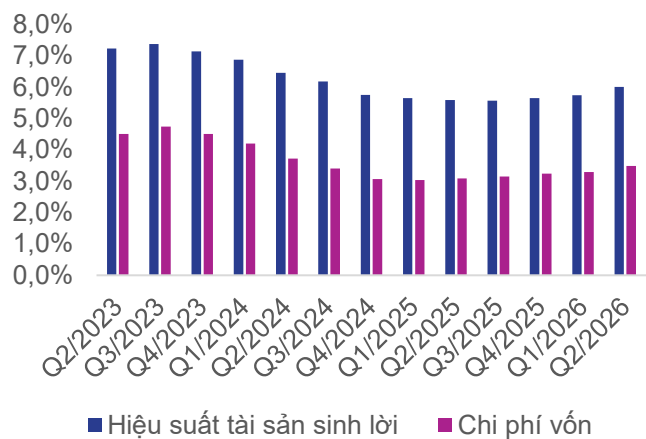
Chất lượng nợ của CTG



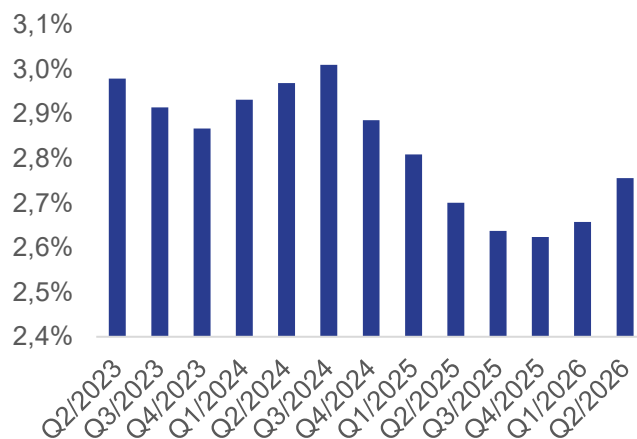
Tỷ lệ Bao phủ nợ xấu (%)



Hiệu quả vốn vay



NIM



Nguồn: CTG

Phụ lục: Một số chỉ tiêu tài chính của CTG

Đơn vị: tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tóm tắt BCTC							
Thu nhập lãi thuần	33.199	35.580	41.788	47.792	52.957	62.403	66.453
Tổng thu nhập ngoài lãi	7.320	9.778	11.368	16.325	17.591	19.506	20.842
Tổng thu nhập HĐKD	40.519	45.357	53.157	64.117	70.548	81.909	87.295
Tổng Chi phí HĐKD	15.735	16.069	17.186	19.195	20.443	22.546	26.553
Tổng Lợi nhuận HĐKD (trước trích lập)	24.785	29.288	35.971	44.922	50.105	59.363	60.742
Trích lập dự phòng	13.004	12.168	18.382	23.791	25.115	27.599	17.298
Lợi nhuận trước thuế	11.781	17.120	17.589	21.132	24.990	31.764	43.444
Lợi nhuận sau thuế	9.477	13.785	14.215	16.984	20.045	25.483	34.871
Cho vay khách hàng	935.271	1.015.333	1.130.668	1.274.844	1.473.345	1.721.955	1.992.273
Tổng Tài sản	1.240.711	1.341.510	1.531.587	1.808.811	2.032.614	2.385.388	2.767.699
Tiền gửi của khách hàng	892.785	990.331	1.161.848	1.249.176	1.410.899	1.606.317	1.793.732
Tổng nợ phải trả	1.163.357	1.256.071	1.437.938	1.700.495	1.906.742	2.236.883	2.588.044
Vốn chủ Sở hữu	76.793	84.839	92.955	107.577	125.011	147.534	178.449
Các chỉ số quan tâm							
Tăng trưởng cho vay	8,1%	8,6%	11,4%	12,8%	15,6%	16,9%	15,7%
Hiệu suất Tài sản sinh lãi (IEA yield)	7,1%	6,7%	6,1%	6,5%	7,2%	5,8%	5,7%
Lãi suất từ Nguồn vốn chịu lãi (IBL cost)	4,5%	4,1%	3,3%	3,7%	4,5%	3,1%	3,2%
Lãi suất chênh lệch (IEA yield - IBL cost)	2,6%	2,7%	2,8%	2,8%	2,6%	2,7%	2,4%
Tăng trưởng ngoài lãi	17,4%	33,6%	16,3%	43,6%	7,8%	10,9%	6,8%
Trích lập Dự phòng rủi ro/Lãi trước trích lập	52,5%	41,5%	51,1%	53,0%	50,1%	46,5%	28,5%
Tăng trưởng tiền gửi	8,1%	10,9%	17,3%	7,5%	12,9%	13,9%	11,7%
CIR	38,8%	35,4%	32,3%	29,9%	29,0%	27,5%	30,4%
NIM	2,9%	2,9%	3,0%	3,0%	2,9%	2,9%	2,6%
ROAA	0,8%	1,1%	1,0%	1,0%	1,0%	1,1%	1,3%
ROAE	13,2%	17,0%	15,8%	16,9%	17,1%	18,6%	21,2%
NPL	1,2%	0,9%	1,3%	1,2%	1,1%	1,2%	1,1%
EPS	2.541	3.685	3.304	3.522	3.912	4.720	5.268
BVPS	20.625	22.785	21.797	22.385	24.570	27.474	27.167

Nguồn: CTG

HỆ THỐNG NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

TÍCH CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo tăng, với tốc độ tăng **hơn 15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu cao hơn 15%** giá hiện tại

TRUNG LẬP: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo từ **-15% đến +15%** hoặc có nhiều thông tin không chắc chắn, khó dự báo hoặc **giá mục tiêu được dự báo -15% đến +15% so với giá hiện tại**

TIÊU CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo giảm, với tốc độ giảm **dưới -15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu được dự báo thấp hơn -15% so với giá hiện tại**

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.